

Lê Quý Đôn

Bởi:

Wiki Pedia



Lê Quý Đôn

Tượng Lê Quý Đôn tại trường Lê Quý Đôn, TP.HCM

Lê Quý Đôn, (5 tháng 7 năm 1726 - 14 tháng 4 năm 1784) tên thật Lê Danh Phương là quan của nhà Hậu Lê đồng thời có thể coi là một nhà khoa học trong nhiều lĩnh vực. Ông sinh ngày 5 tháng 7 năm Bính Ngọ, niên hiệu Bảo Thái (Lê Dụ Tông) thứ 7, quê tại làng Diên Hà, trấn Sơn Nam Hạ, nay là thôn Đồng Phú, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình và mất ngày 14 tháng 4 năm Giáp Thìn niên hiệu Cảnh Hưng thứ 45.

Thân thế

Lê Quý Đôn là con trai cả của ông Lê Trọng Thứ. Thân sinh của Lê Quý Đôn đậu tiến sĩ năm Bảo Thái thứ 2 (1721) và làm quan đến chức Hình bộ Thượng thư, được phong tước Nghĩa Phái Hầu.

Thuở nhỏ, ông có tên là Danh Phương, đến năm 1743 sau khi đỗ giải nguyên trường Sơn-Nam thì đổi thành Quý Đôn, tự Doãn Hậu, hiệu Quế Đường.

Tác phẩm



Bộ sách Lê Quý Đôn toàn tập: Phủ biên tạp lục, Kiến văn tiểu lục, Đại Việt thông sử.

Với tài trí thông minh và kiến thức uyên bác, Lê Quý Đôn đã để lại cho hậu thế rất nhiều bộ sách có giá trị đủ các thể loại như lịch sử, địa lý, thơ, văn, chú giải kinh điển, triết học, lý số.

Tác phẩm của Lê Quý Đôn thống kê có tới 40 bộ, bao gồm hàng trăm quyển, nhưng một số bị thất lạc. Những tác phẩm tiêu biểu của Lê Quý Đôn có thể kể ra như sau:

Lịch sử-địa lý

* Đại Việt thông sử còn gọi là Lê triều thông sử (gồm 30 quyển), là bộ sử được viết theo thể ký truyện, chép sự việc theo từng loại, từng điều một cách hệ thống, bắt đầu từ Lê Thái Tổ đến Cung Hoàng, bao quát một thời gian hơn 100 năm của triều Lê, trong đó chứa đựng nhiều tài liệu mới mà các bộ sử khác không có, đặc biệt là về cuộc kháng chiến chống Minh.

* Phủ biên tạp lục (6 quyển), viết xong năm 1776, ghi chép về tình hình xã hội Đàng Trong từ thế kỷ thứ 18 trở về trước.

* Bắc sử thông lục (4 quyển) viết xong năm 1763

* Kiến văn tiểu lục (12 quyển), hoàn thành năm 1777, là tập bút ký nói về lịch sử và văn hóa Việt Nam từ đời Trần đến đời Lê. Ông còn đề cập tới nhiều lĩnh vực thuộc chế độ các vương triều Lý, Trần, từ thành quách núi sông, đường xá, thuế má, phong tục tập quán, sản vật, mỏ đồng, mỏ bạc và cách khai thác cho tới các lĩnh vực thơ văn, sách vở...

Bách khoa thư

Vân đài loại ngữ (9 quyển): Lê Quý Đôn làm xong vào năm 1773, lúc ông 47 tuổi. Đây là một loại "bách khoa thư", đồ sộ nhất thời Trung đại Việt Nam, trong đó tập hợp các tri thức về triết học, khoa học, văn học... sắp xếp theo thứ tự: Vũ trụ luận, địa lý, điển lệ, chế độ, văn nghệ, ngôn ngữ, văn tự, sản vật tự nhiên, xã hội... Vân đài loại ngữ là bộ

sách đạt tới trình độ phân loại, hệ thống hóa, khái quát hóa khá cao, đánh dấu một bước tiến bộ vượt bậc đối với nền khoa học Việt Nam thời phong kiến.

1. Lý khí (vũ trụ luận)
2. Hình Tượng (vũ trụ học)
3. Khu Vũ (Địa lý học gồm 93 điều)
4. Vụng Điền (Điền lệ, chế độ gồm 120 điều)
5. Văn nghệ (48 điều)
6. Am Tự (ngôn Từ gồm 111 điều)
7. Thư tịch (107 điều)
8. Sĩ Quy (phép làm quan gồm 76 điều)
9. Phẩm vật (gồm 320 điều)

Thơ, văn

* Toàn Việt thi lục: hoàn thành năm 1768, ghi chép chọn lọc khoảng 2.000 bài thơ của 175 tác giả từ thời Lý-Trần đến đời Lê.

* Quế Đường thi tập: có 4 quyển

* Quế Đường văn tập: có 4 quyển, hiện nay không còn nữa.

* Quế Đường di tập: theo GS. Cao Xuân Huy trong "lời giới thiệu" bản dịch "Vân đài loại ngữ" của Trần Văn Giáp (nhà xuất bản Văn hoá, 1962) thì sách Quế Đường di tập "gọi Lê Lợi là Lê Tổ, có nói đến Lê Xuất Đế,... đó là một trong nhiều dấu hiệu tỏ ra rằng sách ấy không phải của Lê Quý Đôn".

* Phú Lê Quý Đôn

Triết học, lý số

* Thánh mô hiền phạm lục, Quần thư khảo biện: ghi chép lại những suy ngẫm khi ông khảo cứu Kinh truyện Trung Hoa.

* Kim Cang kinh chú giải

Lê Quý Đôn

- * Thư kinh điển nghĩa
- * Dịch kinh phụ thuyết
- * Thái Ất quái vận
- * Thái Ất dị giản lục

Quan niệm về văn thơ

Quan niệm về thơ của Lê Quý Đôn: "Làm thơ có 3 điểm chính: một là tình, hai là cảnh, ba là việc. Tiếng sáo thiên nhiên kêu ở trong lòng mà động vào máy tình; thị giác tiếp xúc với ngoài, cảnh động vào ý, dựa cổ mà chứng kim, chép việc thuật chuyện, thu lăm lấy tinh thần... đại để không ngoài ba điểm ấy".

Nhận xét

Nhận xét về thân thế và sự nghiệp văn chương của Lê Quý Đôn, nhà sử học Phan Huy Chú viết:

"Ông có tư chất khác đời, thông minh hơn người" và "Ông là người học vấn rộng khắp, đặt bút thành văn. Cốt cách thơ trong sáng. Lời văn hồn nhiên..., không cần suy nghĩ mà trôi chảy dồi dào như sông dài biển cả, không chỗ nào không đạt tới, thật là phong cách đại gia".

Giai thoại văn học

Chữ Đại hay chữ Thái ?

Tương truyền thuở nhỏ, một hôm cậu bé cưỡi truồng đi tắm với các bạn. Có một vị quan Thượng thư đồng liêu với cha (là Lê Trọng Thứ) tới thăm, hỏi đường đến nhà. Cậu liền đứng dạng chân và dang tay ra bảo quan Thượng:

Nếu ông biết được cháu đang ra dấu chữ gì, cháu sẽ chỉ nhà cho ông.

Quan Thượng cũng tha thứ cho sự nghịch ngợm của tuổi trẻ nên bỏ đi. Cậu cười ầm lên và bảo với các bạn:

Ông ấy làm quan to mà không biết chữ các bạn ơi!

Quan Thượng bực mình quay lại nói:

Trẻ con đừng hồn láo. Mày mới học lỏm được chữ Đại mà đã dám đi trêu chọc người rồi.

Cậu càng cười to hơn:

Thế thì ông không biết chữ thật! Có cái chấm ở dưới nữa thì là chữ Thái chứ sao lại chữ Đại!

Rắn đầu rắn cổ

Khi quan Thượng vào nhà ông Lê Trọng Thứ, mới biết cậu bé ấy là con của bạn mình. Ông kể lại câu chuyện dọc đường. Lê Trọng Thứ gọi con ra trách mắng và đánh đòn. Quan Thượng thấy ông thông minh nên đã xin tha cho ông với điều kiện phải ứng khẩu một bài thơ tạ tội. Cậu xin quan Thượng ra đầu đề. Quan Thượng nói:

Phụ thân cậu đã bảo cậu "rắn đầu rắn cổ", cậu cứ lấy đó làm đề bài.

Cậu ngẫm nghĩ một chốc rồi đọc:

Chẳng phải liu diu vẫn giống nhà!

Rắn đầu biếng học quyết không tha

Thẹn đèn hổ lửa đau lòng mẹ,

Nay thét, mai gằm rất cổ cha.

Ráo mép chỉ quen tuồng lếu láo,

Lần lưng chẳng khỏi vết roi da.

Từ nay Châu Lỗ xin siêng học,

Kẻo hổ mang danh tiếng thế gia!

Đề bài là do quan Thượng đặt ra, ý nói cậu bé cứng đầu, lười học. Vậy mà Lê Quý Đôn đã tài tình sử dụng từ "rắn" để ghép vào trong nội dung các câu thơ của mình: rắn liu diu, rắn đầu, rắn hổ lửa, rắn mai gằm, rắn ráo, rắn thần lằn, rắn hổ trâu, rắn hổ mang và ví mình như Không Tử - Mạnh Tử (từ nay Trâu Lỗ xin siêng học - Lỗ là quê hương Không Tử và Trâu thành, Trâu quốc là quê hương Mạnh Tử, cũng có thể Châu là đọc trại từ nhà Chu, thời Mạnh Tử). Quan Thượng hết sức tán phục.

Tam xuyên tứ mục

Nhà Lê Quý Đôn ở gần ngã ba sông Hồng và sông Trà Lý. Một hôm, một vị quan bên Liêu Xá đến thăm ông Lê Trọng Thứ. Vị quan có nghe tiếng cậu bé con quan Thượng Lê rất hay chữ, muốn trực tiếp thử tài. Nể tình, ông Lê Trọng Thứ cho gọi Lê Quý Đôn tới.

Khoanh tay, kính cẩn chào khách xong, Lê Quý Đôn đứng nép bên cha, chờ đợi.

Ông khách nói:

Ta nghe cháu còn bé mà đã hay chữ. Vậy ta ra về đôi, cháu đối lại nhé!

Lê Quý Đôn lễ phép:

Dạ, xin Bác ra đề ạ!

Ông khách nói :

Nhà cháu gần ngã ba sông, vậy ta ra về đôi là tam xuyên !

Về đôi giản dị mà hóc búa, chữ tam có ba nét sổ ngang nhưng dựng lên, thành ba nét sổ đứng và là chữ xuyên. "Tam xuyên" có nghĩa "ba con sông".

Lê Quý Đôn chưa đáp ngay mà cứ trân trân nhìn ông khách có mang cặp kính. Ông khách rất vui vì tìm được về đối rất hiếm. Thấy Lê Quý Đôn chưa đối được, ông khách hỏi:

Sao, có đối được không, cháu bé?

Lê Quý Đôn lễ phép thưa:

Dạ, cháu xin đối là tứ mục .

"Tứ mục" có nghĩa "bốn con mắt". Ông khách chỉ còn biết thốt lên:

Tuyệt vời!

Chữ đối lại thật chuẩn, chữ "tứ" viết quay dọc lại, cũng là chữ "mục".

Quay sang ông Thượng Lê, khách xuýt xoa:

Thằng bé này về sau văn chương sẽ lấy lòng đây!

Câu nói nổi tiếng

* "Phi nông bất ổn, phi công bất phú, phi thương bất hoạt, phi trí bất hưng." Câu này có nguồn gốc từ Trung Quốc.

Có nghĩa là không có nông nghiệp thì xã hội không ổn định, không có công nghiệp thì không giàu, không có thương nghiệp buôn bán, giao lưu thì không thể mở mang, không có tri thức, trí tuệ thì không hưng thịnh được. Có thể hiểu nông công thương trí như 4 cây cột cái của ngôi nhà, một cây cột yếu là ảnh hưởng đến sự bền vững cả ngôi nhà.

Hình ảnh công cộng

* Tên ông được đặt cho tên một Trường đại học lớn ở Hà Nội (Trường Đại học Kỹ thuật Lê Quý Đôn) và nhiều Trường phổ thông khắp đất nước Việt Nam.

* Tên ông cũng được đặt cho nhiều con đường, phố ở nhiều thành phố ở Việt Nam.